

Số: /KH-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH

Phát triển sản xuất cây sắn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Căn cứ Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1748/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược Chiến lược Phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1115/QĐ-BNN-TT ngày 17/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phê duyệt Phê duyệt Đề án “ Phát triển bền vững ngành hàng sắn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 1557/SNN-TTBVTV ngày 20/5/2024; ý kiến biểu quyết thống nhất của Thành viên UBND tỉnh (thực hiện trên hệ thống điện tử TD và văn bản giấy), UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển sản xuất cây sắn trên địa bàn Hà Tĩnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Phát triển cây sắn ổn định, hiệu quả trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế của các địa phương; đáp ứng nhu cầu thị trường, nâng cao hiệu quả sản xuất.
- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong quá trình sản xuất, chế biến sắn, ưu tiên công tác giống và kỹ thuật canh tác; thúc đẩy chế biến sâu, đa dạng hoá sản phẩm đáp ứng yêu cầu của thị trường; sử dụng tối đa các sản phẩm phụ trong quá trình sản xuất, chế biến sắn.
- Đẩy mạnh liên kết tại vùng sản xuất cây sắn tập trung; phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, liên kết chặt chẽ trong sản xuất và tiêu thụ sắn trên cơ sở lấy doanh nghiệp làm trung tâm, Hợp tác xã và tổ hợp tác là cầu nối giữa doanh nghiệp và hộ gia đình trồng sắn.
- Khuyến khích, huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất, chế biến và xuất khẩu sản phẩm sắn. Nhà nước tạo cơ chế, chính sách và đầu tư, hỗ trợ đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu

Phát triển cây sắn phải phù hợp với Đề án Phát triển bền vững ngành hàng sắn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1115/QĐ-BNN-TT ngày 17/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Đến năm 2030 diện tích trồng sắn toàn tỉnh khoảng 2.255 ha và duy trì ổn định diện tích đến năm 2050, tập trung tại các huyện: Kỳ Anh, Hương Sơn, Cẩm Xuyên, Can Lộc, Nghi Xuân,.. năng suất khoảng 164 tạ/ha, sản lượng đạt trên 37.028 tấn.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

III. GIẢI PHÁP

1. Về tổ chức sản xuất

- Các địa phương, đơn vị căn cứ Kế hoạch, xác định quy mô vùng sản xuất sắn, nhu cầu nguyên liệu của nhà máy chế biến, đầu tư nguồn lực để xây dựng, phát triển và tổ chức sản xuất có hiệu quả.

- Thực hiện đồng bộ giải pháp hỗ trợ thu hút doanh nghiệp đầu tư, thúc đẩy hình thành chuỗi liên kết; chuyên giao khoa học công nghệ, hướng dẫn kỹ thuật và tiêu thụ sản phẩm.

- Đối với hộ gia đình sản xuất sắn, chủ động và phát huy hình thức sản xuất liên kết trực tiếp với doanh nghiệp hoặc thông qua Hợp tác xã, Tổ hợp tác; tham gia các khóa đào tạo, tập huấn chuyên giao khoa học công nghệ về quy trình sản xuất sắn,...

- Đa dạng hóa các hình thức liên kết, hợp tác giữa kinh tế hộ với doanh nghiệp, kinh tế hộ được tổ chức trong Hợp tác xã nông nghiệp, tổ hợp tác với doanh nghiệp chế biến để tiếp nhận các công nghệ mới, đồng bộ ở các khâu, quy trình của chuỗi, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

2. Về giống và khoa học công nghệ

- Thu thập, trao đổi, lưu giữ nguồn gen các giống sắn phục vụ công tác chọn tạo giống; tiếp tục thay thế các giống cũ năng suất thấp bằng các giống có hàm lượng tinh bột cao, có khả năng chống chịu với sinh vật gây hại như: khảm lá sắn, chổi rồng, thối củ,....;

- Xây dựng các quy trình kỹ thuật sản xuất sắn theo hướng bền vững tại các vùng sinh thái; đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hoá các khâu trồng, chăm sóc, thu hoạch, vận chuyển sắn,...

- Ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ về sản xuất, thu hoạch, chế biến, bảo quản để nâng cao chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường.

3. Về thị trường tiêu thụ

Tiếp tục duy trì và phát huy chuỗi liên kết với Nhà máy chế biến tinh bột sắn Thành Mỹ Phát tại xã Kỳ Sơn, huyện Kỳ Anh. Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp chế biến các sản phẩm từ sắn tiếp tục thu hút doanh nghiệp chế biến bánh kẹo, nha đường gluco, mỳ ăn liền, thức ăn chăn nuôi,... sử dụng sắn và tinh bột sắn làm nguyên liệu để tăng chuỗi giá trị. Phát triển các kênh tiêu thụ cho

sản phẩm sẵn và tăng cường liên kết giữa người sản xuất, nhà phân phối và doanh nghiệp chế biến.

4. Về quản lý nhà nước

- Thực hiện công tác quản lý, giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư đầu vào phục vụ sản xuất (thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, chất kích thích sinh trưởng, giống, chất bảo quản,...); quản lý chặt chẽ các yếu tố gây ô nhiễm đất, nguồn nước tưới cho các vùng sản xuất sẵn.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách liên quan đến phát triển sản xuất sẵn, chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp; chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã,...

- Huy động nguồn kinh phí từ doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, cá nhân và các nguồn vốn hợp pháp khác tham gia thực hiện đầu tư đồng bộ hạ tầng (đường giao thông, điện, hệ thống tưới tiêu,...) các vùng sản xuất sẵn; xúc tiến thương mại mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

IV. NGUỒN KINH PHÍ: kinh phí thực hiện Kế hoạch: từ các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình...; từ nguồn kinh phí hỗ trợ của Nhà nước và các nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành cấp tỉnh; UBND huyện, thành phố, thị xã và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; tham mưu cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển cây sẵn trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, đôn đốc các địa phương triển khai thực hiện; định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo, tham mưu UBND tỉnh và cấp có thẩm quyền các giải pháp để điều chỉnh (nếu cần thiết), đảm bảo các nội dung tại Kế hoạch được thực hiện hiệu quả trên thực tế.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai các đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ du nhập, khảo nghiệm các giống sẵn mới có năng suất, chất lượng cao, chống chịu sâu bệnh, phù hợp với từng vùng sinh thái, thích ứng biến đổi khí hậu.

- Hỗ trợ nâng cao giá trị, sức cạnh tranh trên thị trường các sản phẩm ngành hàng sẵn cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh thông qua công tác sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn sản phẩm hàng hóa.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc ứng dụng quy trình canh tác đảm bảo an toàn, chất lượng sản phẩm; quy trình canh tác tiên tiến trong các khâu: trồng, chăm sóc, tưới nước, bón phân, tạo tán, phòng trừ sâu bệnh hại, thu hoạch; áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ, thiết bị chế biến sâu, đa dạng hóa các sản phẩm sẵn đáp ứng yêu cầu thị trường.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: trên cơ sở kế hoạch, cơ chế, chính sách đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu, đề xuất UBND tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn theo quy định.

4. Sở Tài chính: chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị, địa phương có liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí sự nghiệp hàng năm triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo trọng tâm, trọng điểm và đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

5. Sở Công Thương

- Chủ động, phối hợp các Sở, ngành, địa phương liên quan thực hiện các cơ chế, chính sách khuyến công, xúc tiến thương mại, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm thuộc lĩnh vực, ngành quản lý.

- Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan triển khai thực hiện hoạt động hỗ trợ trang thiết bị, dây chuyền cho các mô hình chế biến, phân loại, bảo quản sản phẩm.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Hướng dẫn các địa phương, các tổ chức, cá nhân khi có nhu cầu về quỹ đất để tập trung sản xuất sắn, có quy mô, diện tích tập trung thông qua các hình thức sử dụng đất như: giao đất, cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất; thực hiện tập trung, tích tụ đất đai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

- Hướng dẫn các địa phương, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong phát triển cây sắn theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và thẩm quyền quản lý.

7. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của huyện tổ chức triển khai có hiệu quả Kế hoạch này.

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn, UBND các xã, phường, thị trấn hàng năm rà soát, hướng dẫn người sản xuất thực hiện tốt các giải pháp kỹ thuật sản xuất cây sắn đảm bảo hiệu quả kinh tế, đúng quy hoạch.

- Căn cứ nhu cầu thực tế của địa phương, định hướng phát triển cây sắn theo kế hoạch này; định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp).

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nông thôn. Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp,... tham gia đầu tư phát triển cây công nghiệp trên địa bàn.

- Hàng năm, căn cứ nhiệm vụ cụ thể, tình hình thực tế, các quy định hiện hành và khả năng cân đối ngân sách địa phương để tham mưu bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch đảm bảo quy định

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp lĩnh vực nông nghiệp cấp tỉnh

- Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, Nhân dân tích cực tham gia, tổ chức sản xuất cây công nghiệp, nhất là tăng cường liên kết sản xuất theo hướng hàng hóa gắn với tiêu thụ hình thành chuỗi, khắc phục hạn chế sản xuất nhỏ lẻ, thiếu liên kết, đẩy mạnh đầu tư ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nâng cao năng suất, chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Phối hợp với các Sở, ngành, các tổ chức thành viên có liên quan nắm bắt các khó khăn, vướng mắc của các đoàn viên, hội viên, Nhân dân để kịp thời hỗ trợ giải quyết, tháo gỡ góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả, thu nhập cho người dân sản xuất cây sắn

*** Chế độ thông tin và báo cáo:** các Sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, định kỳ 6 tháng (trước ngày 20/6), năm (trước ngày 15/12) hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo kết quả thực hiện, gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện, tổng hợp, tham mưu, báo cáo UBND tỉnh và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, các đơn vị, địa phương báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, tham mưu đề xuất UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung đảm bảo phù hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ NN và PTNT (B/c);
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (B/c);
- Chủ tịch; các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và PTNT; Công Thương, KH&CN, Tài chính, KH&ĐT, TN&MT;
- UBMT Tổ quốc và các đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NL₅.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Lĩnh

PHỤ LỤC: ĐỊNH HƯỚNG SẢN XUẤT SẢN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

TT	Huyện, thành phố, thị xã	Kết quả năm 2023			Kế hoạch đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050		
		Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
Tổng		2.526	155,16	39.191	2.255	164	37.028
1	Kỳ Anh	1.276	200,3	25.566	1275	205	26.138
2	Hương Sơn	473	96,56	4.569	450	100	4.500
3	Can Lộc	205	133,3	2.736	205	140	2.870
4	Nghi Xuân	53	126,98	667	100	127	1.270
5	Cẩm Xuyên	96	124,13	1.190	100	125	1.250
6	Hương Khê	68	77,52	524	70	80	560
7	Thạch Hà	50	72,35	362	55	80	440
8	Vũ quang	84	93,55	786	80	95	760
9	Đức Thọ	28	80,69	224			
10	Lộc Hà	5	110	55			
11	Thị xã Kỳ Anh	188	133,47	2.512			